

Bản án số: 60/2018/HSST
Ngày 16 - 5 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Thanh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2018/HSST ngày 13 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1975 tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 27, khu 3, phường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: tổ 14, khu Lạc Thanh, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị V; có chồng là Nguyễn Văn V; có 01 con, sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 07/12/2010, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 17 tháng 22 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án; bị tạm giữ ngày 20/11/2017, tạm giam ngày 26/11/2017; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. **Phạm Ngọc N**, sinh ngày 16 tháng 11 năm 1975 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 31, khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: tổ 14, khu Lạc Thanh, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc Q và bà Đinh Thị A; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 20/11/2017, tạm giam ngày 26/11/2017; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. **Nguyễn Văn P**, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1978 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 13, khu 2, phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Uông Bí - Vinacomin; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh G và bà Ngô Thị H; vợ: Đỗ Thị T (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 20/11/2017, tạm giam ngày 26/11/2017; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

** Những người làm chứng:*

1. Anh Phạm Văn K, sinh năm: 1987; địa chỉ: tổ 8, khu 9, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1971; địa chỉ: tổ 3, khu 9, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

** Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Văn B, Tổ trưởng tổ 14, khu Lạc Thanh, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 20/11/2017, tại tổ 21 khu 6 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, Công an thành phố Uông Bí phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ của Phong: 02 gói giấy màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục, 01 kim tiêm y tế đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động Viettel gắn 01 sim, 01 xe mô tô hiệu Detech biển kiểm soát 17H1-7601 và số tiền 70.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn P khai: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 20/11/2017, P gọi điện thoại cho Nguyễn Thị H hỏi mua 500.000 đồng ma túy loại Heroine để sử dụng. H đồng ý và bảo P đến nhà H. P đi xe mô tô đến nhà H đưa cho H 500.000 đồng. H vào phòng lấy 01 hộp nhựa và 01 cân tiểu ly điện tử trong túi nilon treo trên mắc áo, rồi mở hộp nhựa lấy 01 gói giấy bên trong chứa chất bột trắng dạng cục ra dùng dao tem cắt nhỏ cân thành 02 gói giấy nhỏ đưa cho P. P biết đó là ma túy cất nên cất vào túi áo mang về sử dụng thì bị bắt. Do nghiện ma túy loại Heroine từ tháng 6/2016 nên khi biết H có ma túy bán thì P đã đến mua ma túy của H và đều mang về sử dụng hết. Trong tháng 11/2017, P đã mua ma túy của H 05 lần, mỗi lần mua giá từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng. Trong đó, ngày 18, 19/11/2017 khi P đến hỏi H để mua ma túy thì Phạm Ngọc N (người chung sống với H) là người ra mở cửa, nhận tiền và đưa ma túy cho P.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Văn P, cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị H tại tổ 14, khu Lạc Thanh, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Qua khám xét đã thu giữ của H: 02 gói giấy màu trắng chứa chất bột màu trắng dạng cục, 01 túi nilon chứa chất bột

màu trắng dạng cục trong chiếc lọ có chữ Kazumi, 01 cân tiểu ly điện tử màu nâu, 02 dao tem, 01 điện thoại Nokia màu đen gắn 01 sim, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị H và số tiền 906.000 đồng. Công an thành phố Uông Bí ra Lệnh bắt khẩn cấp Nguyễn Thị H, Phạm Ngọc N về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Quá trình điều tra, các bị can Nguyễn Thị H, Phạm Ngọc N đều khai nhận: H và N chung sống với nhau như vợ chồng hơn 10 năm nay. Vào khoảng tháng 10/2017, H sang Hải Phòng mua của một người phụ nữ không quen biết 01 túi nilon ma túy loại Heroine với giá 1.000.000đ đem về nhà cất giấu, mục đích để bán cho người khác kiếm lời và Nam đã vài lần lấy ma túy của H để sử dụng. P đã đến mua ma túy của H về sử dụng, mỗi lần đến đều gọi điện liên lạc trước với H. Từ tháng 11/2017 cho đến ngày bị bắt, H đã bán ma túy cho P 05 lần tại nơi ở của mình, trong đó N giúp H bán ma túy cho P 02 lần. Cụ thể gồm:

Lần thứ nhất: Trước ngày 20/11/2017 khoảng 01 tuần, P đến mua của H 01 gói ma túy loại Heroine với giá 200.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 17/11/2017, P đến mua của H 01 gói ma túy với giá 500.000 đồng.

Lần thứ ba: Chiều ngày 18/11/2017, P đến thì N ra mở cổng, P vào hỏi mua ma túy và đưa cho N 100.000 đồng. N cầm tiền thì H bảo N đi vào đầu giường ngủ lấy 01 gói ma túy đưa cho P, còn N để tiền ở đầu giường ngủ cho H.

Lần thứ tư: Chiều ngày 19/11/2017, P đến gọi cửa thì N ra mở cửa rồi vào phòng ngủ nằm. P gặp H hỏi mua ma túy rồi đưa cho H 100.000 đồng thì H cầm tiền. Lúc này N nằm trên giường ngủ thấy P hỏi mua ma túy và H cầm tiền nên N lấy 01 gói ma túy ở đầu giường đưa cho P.

Lần thứ năm: Khoảng 17 giờ 50 phút ngày 20/11/2017, P gọi điện cho H rồi đến chỗ H. Đến nơi, P đưa cho H 500.000 đồng để mua ma túy thì H lấy túi nilon chứa ma túy để trên mắc áo rồi lấy cân tiểu ly và dao tem ra chia ma túy, gói vào gói giấy đưa cho P. Đối với số ma túy thu giữ khi khám xét nơi ở của H là của H để nếu có ai hỏi mua thì bán.

Tại bản Kết luận giám định số 764/GĐMT ngày 23/11/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: 02 gói giấy chứa chất bột màu trắng dạng cục ghi thu của Nguyễn Văn P gửi giám định là ma túy loại Heroine, tổng trọng lượng 0,62gam; 02 gói giấy và 01 gói nilon chứa chất bột màu trắng dạng cục ghi thu khi khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị H gửi giám định là ma túy loại Heroine, tổng trọng lượng 0,864gam.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản như nội dung Cáo trạng. H khai: Bản thân mình không nghiện ma túy, bị cáo mua ma túy về bán và để cho N sử dụng. Số ma túy còn lại thu giữ tại nơi ở của bị cáo nếu ai hỏi mua thì bị cáo bán. N khai: Bản thân mình đã sử dụng ma túy từ khoảng tháng 9 năm 2017, bị cáo chỉ giúp H lấy ma túy đưa cho P 02 lần nhưng không được nhận tiền. P khai: Bản thân nghiện ma túy từ năm 2016, bị cáo đã 05 lần mua ma túy của H để sử

dụng chứ không có mục đích nào khác. Các bị cáo thừa nhận việc truy tố và quyết định đưa các bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Giai đoạn điều tra, những người làm chứng là các anh Phạm Văn K và Phạm Văn H khai: mình là người trực tiếp chứng kiến Nguyễn Văn P tàng trữ ma túy trên người thì bị Công an bắt quả tang. Ông Nguyễn Văn B, Tổ trưởng tổ 14, khu Lạc Thanh, phường Yên Thanh là người lắng giềng chứng kiến Công an khám xét nơi ở của Nguyễn Thị H và Phạm Ngọc N, thu giữ của H số ma túy tàng trữ trong nhà, tiền cùng những công cụ liên quan đến việc mua bán ma túy nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 67/CT-VKSUB-QN ngày 12 tháng 4 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị can Nguyễn Thị H, Phạm Ngọc N về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, truy tố bị can Nguyễn Văn P về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

(1) Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 20/11/2017);

(2) Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Phạm Ngọc N từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 20/11/2017);

(3) Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 20/11/2017);

(4) Áp dụng: các điểm a, b và c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, các điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì hoàn lại sau giám định số: 764/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 (một) lọ nhựa màu trắng có chữ Kazumi; 01 (một) cân tiểu ly điện tử; 01 (một) bơm kim tiêm y tế; và 02 (hai) lưỡi dao tem; 02 (hai) sim điện thoại.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trong số tiền đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H. Truy thu tiếp số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) của bị cáo H là tiền do bị cáo bán ma túy những lần trước mà có; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 406.000đ (bốn trăm linh sáu nghìn đồng) nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án;

(5) Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo bị truy tố:

[2.1] *Đối với hành vi của Nguyễn Thị H và Phạm Ngọc N:* Ngoài lời khai cụ thể của bị cáo H khai bản thân mình đã 05 (năm) lần bán ma túy cho P tại nơi ở của mình vào các ngày 17, 18, 19, 20 và trước ngày 20 tháng 11 năm 2017 khoảng một tuần, còn có lời khai của P - người trực tiếp gọi điện và đến nơi ở của bị cáo mua ma túy cũng có lời khai phù hợp với lời khai của H và vật chứng là số ma túy P mới mua của H xong đi đến phường Quang Trung, thành phố Uông Bí thì bị Công an thu giữ. Trong 05 (năm) lần H bán ma túy cho P thì có 02 (hai) lần vào các ngày 18 và 19 tháng 11 năm 2017, N ra mở cổng nhà cho P vào và giúp H đưa ma túy cho P. N và H đều khai: các bị cáo chung sống với nhau như vợ chồng được hơn 10 năm nay, N là người nghiện ma túy, biết H có ma túy bán cho P là trái phép nhưng vẫn giúp sức cho H bán ma túy cho P bằng những hành vi cụ thể nêu trên, được H và P có lời khai xác nhận phù hợp.

[2.2] *Đối với hành vi của Nguyễn Văn P:* Ngoài lời khai nhận tội của P, còn có lời khai của những người làm chứng là các ông Phạm Văn K và Phạm Văn H, những người trực tiếp chứng kiến bị cáo tàng trữ ma túy trên người thì bị Công an kiểm tra, bắt quả tang, phù hợp với số ma túy bị thu giữ đã được giám định và lời khai của H và N có lời khai xác nhận phù hợp.

[2.3] Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, phù hợp với số ma túy bị thu giữ cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Heroine là chất ma túy rất độc, bị Nhà nước tuyệt đối cấm mua bán, tàng trữ theo quy định tại Nghị định số: 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Các bị cáo không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép mua bán, tàng trữ chất ma túy theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có

đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 17, 18, 19, 20 và trước ngày 20 tháng 11 năm 2017 khoảng một tuần, tại nơi ở của Nguyễn Thị H và Phạm Ngọc N thuộc tổ 14, khu Lạc Thanh, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Thị H đã 05 (năm) lần bán trái phép chất ma túy (loại Heroine) cho Nguyễn Văn P. Trong đó, có 02 (hai) lần vào các ngày 18 và 19 tháng 11 năm 2017, Phạm Ngọc N đã giúp sức cho H bán ma túy cho P. Sau khi mua được ma túy để sử dụng, khoảng 18 giờ 20 phút ngày 20/11/2017, khi Phong đang cất giấu trên người 0,62 gam ma túy loại Heroine vừa mua được của H thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang. Công an khám xét, thu giữ tại nơi ở của H 0,864 gam ma túy loại Heroine với mục đích tàng trữ để bán cho người khác thì bị phát hiện, bắt giữ. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố bị cáo là có cơ sở pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: *Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.*

Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”

Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: ...

b) Phạm tội 02 lần trở lên”.

[4] Đối chiếu với quy định của hai bộ luật nêu trên thấy: khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt nhẹ hơn so với khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 về cùng một tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số: 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội) và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/7/2017) thì các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 được áp dụng. Đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, cả hai Bộ luật hình sự nêu trên đều quy định khung hình phạt bằng nhau nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý, kiểm soát các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự, trị an xã hội, làm bất bình trong quần chúng nhân dân địa phương. Ma túy đang là hiểm họa của toàn xã hội, nó không những trực tiếp xâm hại đến sức khỏe về tinh thần, thể chất và tài sản của người nghiện, gây lo lắng, buồn phiền cho những người thân trong gia đình, mà còn là một trong những

nguyên nhân làm lan truyền bệnh tật và các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh.

[6] Xét tính chất đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo Nguyễn Thị H và Phạm Ngọc N cùng cố ý thực hiện tội phạm “Mua bán trái phép chất ma túy”, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo H là người chủ mưu, mua ma túy về bán và là người thu tiền nên giữ vai trò chính và phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo N. Bị cáo N biết H bán trái phép chất ma túy cho P nhưng đã 02 (hai) lần giúp cho H ra mở cổng, lấy ma túy của H đưa cho P nên giữ vai trò sau và cũng phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của mình. Còn bị cáo Nguyễn Văn P là người nghiện, mua ma túy, tàng trữ để sử dụng nên phạm tội độc lập.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo N có bố là người có công với Nước, được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[8] Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo H có nhân thân xấu, đã từng bị kết án, mặc dù được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân lại tiếp tục phạm tội nhiều lần. Các bị cáo H và N phạm tội rất nghiêm trọng, bị cáo P phạm tội nghiêm trọng, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, không những nhằm trừng trị mà còn để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt. Riêng bị cáo N phạm tội với vai trò giúp sức không đáng kể, nếu N không ra mở cổng nhà, không đưa ma túy cho P giúp H thì H cũng thực hiện được, bởi H có mặt ở nhà, là cất giấu ma túy và bán ma túy cho P để lấy tiền nên Hội đồng xét xử cho bị cáo N được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn Điều luật đã truy tố. Bị cáo P tàng trữ ma túy với khối lượng thấp (0,62g), chỉ trên mức khởi điểm mà khung hình phạt quy định nên Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt phù hợp.

[9] Theo khoản 5 các điều 249 và 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Nhưng xét thấy các bị cáo N và P là người nghiện ma túy, bị cáo H là động tự do và đều không có tài sản riêng. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về vật chứng của vụ án: 01 (một) phong bì chứa ma túy hoàn lại sau giám định, 01 (một) lọ nhựa màu trắng có chữ Kazumi, 01 (một) cân tiểu ly điện tử, 02 (hai)

sim gắn trong 02 (hai) điện thoại thu giữ của bị cáo H và P, 01 (một) bơm kim tiêm y tế và 02 (hai) lưỡi dao tem là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu và tiêu hủy; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel là công cụ các bị cáo H và P sử dụng để liên lạc mua bán ma túy và số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) là tiền do bị cáo H 05 lần bán ma túy mà có cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 406.000đ (bốn trăm linh sáu nghìn đồng) và trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng) là tiền của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Số vật chứng khác đã được Cơ quan điều tra xử lý, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[11] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 17, Điều 58, (bị cáo Phạm Ngọc Nam được áp dụng thêm khoản 2 Điều 54), khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 (bị cáo Phạm Ngọc Nam được áp dụng thêm khoản 2) Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số: 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội) và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 và các điểm a và b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị H và Phạm Ngọc N phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 20/11/2017).

3. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 20/11/2017).

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 20/11/2017).

5. Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì chứa ma túy hoàn lại sau giám định, 01 (một) lọ nhựa màu trắng có chữ Kazumi, 01 (một) cân tiểu ly điện tử, 02 (hai) sim gắn trong 02 (hai) điện thoại thu giữ của bị cáo H và P có số 8984048008823685223 và số 8984048851002720638, 01 (một) bơm kim tiêm y tế và 02 (hai) lưỡi dao tem.

6. Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) trong số tiền đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị H; truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 900.000đ (chín trăm nghìn đồng). Tổng số: 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng) do bị cáo H đã bán ma túy mà có. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một)

điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen của bị cáo Nguyễn Thị H và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Viettel của bị cáo Nguyễn Văn P.

7. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H số tiền 406.000đ (bốn trăm linh chín nghìn đồng) số tiền còn lại trong tổng số tiền đã thu giữ của bị cáo. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 70.000đ (bảy mươi nghìn đồng).

Tình trạng những vật chứng nêu trên theo Biên bản giao vật chứng ngày 07/5/2018 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

8. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Phạm Ngọc N và Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

9. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.(Th. L 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm